

Số: 13 /2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn việc cho vay theo Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc các ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân vay vốn theo quy định tại Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp (sau đây gọi tắt là Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg).

2. Thông tư này áp dụng đối với hợp đồng vay vốn tại các ngân hàng thương mại nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp được ký trước ngày 31/12/2020.

Điều 2. Bên cho vay và bên vay

1. Bên cho vay là các ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

2. Bên vay là các tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 1 và Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

Điều 3. Nguyên tắc cho vay

1. Cho vay nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp được thực hiện theo quy định về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và quy định tại Thông tư này.

2. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn đúng mục đích.

Điều 4. Điều kiện vay vốn

1. Các đối tượng vay vốn bằng đồng Việt Nam mua máy, thiết bị nằm trong danh mục chủng loại máy, thiết bị sản xuất trong nước, nhập khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố và đầu tư các dự án máy, thiết bị được thẩm định theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đáp ứng các điều kiện tại khoản 3 Điều 1 và khoản 3 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

Điều 5. Lãi suất và mức cho vay

1. Các ngân hàng thương mại cho vay theo mức lãi suất cho vay thấp nhất áp dụng cho các khoản vay vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn cùng kỳ hạn và cùng thời kỳ.

2. Mức cho vay tối đa được hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất quy định tại khoản 4 Điều 1 và khoản 4 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg.

3. Việc hỗ trợ lãi suất, cấp bù chênh lệch lãi suất đối với khách hàng được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 6. Thời hạn cho vay

1. Thời hạn cho vay đối với khách hàng mua máy, thiết bị theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 1 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg do ngân hàng thương mại và khách hàng thỏa thuận, nhưng chỉ được ngân sách nhà nước hỗ trợ lãi suất tối đa 03 năm.

2. Thời hạn cho vay đối với khách hàng đầu tư dự án dây chuyền máy, thiết bị quy định tại khoản 5 Điều 2 Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg do ngân hàng thương mại và khách hàng tự thỏa thuận, phù hợp với khả năng thu hồi vốn của dự án, nhưng tối đa không quá 12 năm.

Điều 7. Trách nhiệm của các ngân hàng thương mại

1. Báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) và Bộ Tài chính về việc tham gia cho vay nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp trước khi thực hiện khoản cho vay đầu tiên, trừ các ngân hàng thương mại đã thực hiện cho vay nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Thông tư số 22/2012/TT-NHNN ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

2. Có trách nhiệm xem xét, thẩm định và quyết định cho vay đối với khách hàng theo quy định và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình.

3. Định kỳ hàng tháng (trước ngày 10 của tháng tiếp theo) báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế) kết quả về cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp, theo mẫu biểu đính kèm Thông tư này.

Điều 8. Trách nhiệm của khách hàng vay vốn

1. Cung cấp đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo quy định và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận với ngân hàng thương mại.

Điều 9. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

a) Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện cho vay theo quy định tại Thông tư này;

b) Tổng hợp và báo cáo Thống đốc kết quả cho vay nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

Thực hiện thanh tra, giám sát việc cho vay của các ngân hàng thương mại đối với khách hàng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014 và thay thế Thông tư số 22/2012/TT-NHNN ngày 22 tháng 6 năm 2012 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2010 và Quyết định số 65/2011/QĐ-TTg ngày 2 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này. *Nel*

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 10;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Văn phòng Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Tòa án Nhân dân Tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc VN;
- Các tổ chức chính trị, tổ chức CT-XH;
- Công báo;
- Lưu: VT, VTD(3). *for*

**THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Nguyễn Đồng Tiến

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CHO VAY
THEO QUYẾT ĐỊNH 68/2013/QĐ-TTG NGÀY 14/11/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ NHẪM GIẢM TỒN THẤT TRONG NÔNG NGHIỆP

THÁNG.....NĂM.....

(Kèm theo Thông tư số: 13 /2014/TT-NHNN ngày 18 /4/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng, khách hàng

STT	Chi tiêu báo cáo	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Dư nợ đến thời điểm báo cáo		Số lãi được hỗ trợ		Số lượng KH vay vốn lũy kế từ đầu năm	Số khách hàng còn dư nợ
		Trong kỳ b/c	Lũy kế từ đầu năm	Trong kỳ b/c	Lũy kế từ đầu năm	Tổng số	Trong đó: Nợ xấu	Trong kỳ b/c	Lũy kế từ đầu năm		
I	Cho vay được hỗ trợ lãi suất phân theo danh mục máy, thiết bị										
1	Máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, gieo cây, trồng, chăm sóc, thu hoạch lúa, ngô, cà phê, chè, mía; máy sấy nông sản, thủy sản; máy, thiết bị sản xuất muối sạch; máy, thiết bị sử dụng trong chăn nuôi.										
2	Hệ thống thiết bị tưới tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp.										
3	Máy, thiết bị sử dụng sản xuất giồng, nuôi trồng và thu hoạch thủy sản.										
4	Các loại máy, thiết bị dò cá, thu, thả lưới câu, thông tin liên lạc, hầm (buồng) cấp đông, thùng (hầm) bảo quản sản phẩm có gắn thiết bị lạnh,										

	sản xuất nước đá, lọc nước biển làm nước ngọt sử dụng trên tàu cá, tàu dịch vụ hậu cần phục vụ đánh bắt xa bờ.												
5	Máy, thiết bị chế biến sản phẩm từ phế và phụ phẩm nông nghiệp, thủy sản.												
6	Kho, thiết bị sử dụng chứa, bảo quản thóc, ngô quy mô hộ gia đình.												
7	Các loại máy kéo, động cơ Diezen sử dụng trong nông nghiệp, khai thác đánh bắt thủy sản.												
II	Cho vay hỗ trợ chênh lệch lãi suất phân theo danh mục máy móc thiết bị, dự án đầu tư												
1	Kho silo dự trữ lúa, ngô; hệ thống sấy nông sản; dây chuyền máy, thiết bị xay xát, đánh bóng, phân loại gạo.												
2	Hệ thống nhà kính, nhà lưới phục vụ sản xuất; máy, thiết bị bảo quản chế biến rau, hoa, quả.												
3	Dây chuyền máy, thiết bị bảo quản, giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp; chế biến thủy sản (thiết bị làm lạnh, cấp đông, tái đông; sản xuất nước đá, đá vảy; thiết bị hấp sấy...).												
4	Dây chuyền máy, thiết bị chế biến cà phê, chè, nhân điều, hồ tiêu.												
5	Dây chuyền máy, thiết bị chế biến muối.												

6	Các dự án chế tạo máy, thiết bị sản xuất nông nghiệp.																			
III	Cho vay được hỗ trợ lãi suất, chênh lệch lãi suất phân theo đối tượng vay vốn																			
1	Doanh nghiệp																			
2	Hợp tác xã																			
3	Hộ gia đình																			
4	Đối tượng khác																			

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên, số điện thoại)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng..... năm.....
Đại diện hợp pháp của ngân hàng
(Ký, đóng dấu)

*** Ghi chú:**

- Hình thức báo cáo: **Bảng văn bản và thư điện tử.**
- Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất vào ngày 10 của tháng tiếp theo ngay sau tháng báo cáo, trụ sở chính của các ngân hàng thương mại tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Vụ Tín dụng các ngành kinh tế), đồng gửi một báo cáo cho Bộ Tài chính để theo dõi.
- Mọi thông tin cần giải đáp đề nghị liên hệ:
 - + Vụ Tín dụng các ngành kinh tế – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
 - + Điện thoại: 04.39349428
 - + Fax: 04.38248800; + Email: tindungsbv@gmail.com